

Số: 106/QĐ-THADS

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán
ngân sách nhà nước năm 2025**

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư sửa đổi bổ sung số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Căn cứ Quyết định số 1841/QĐ-TCTHADS, 1842/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự (nay là Cục Quản lý Thi hành án dân sự) về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-CQLTHADS ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (theo mẫu biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Cục QLTHADS;
- Lưu: VT, TCKT.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

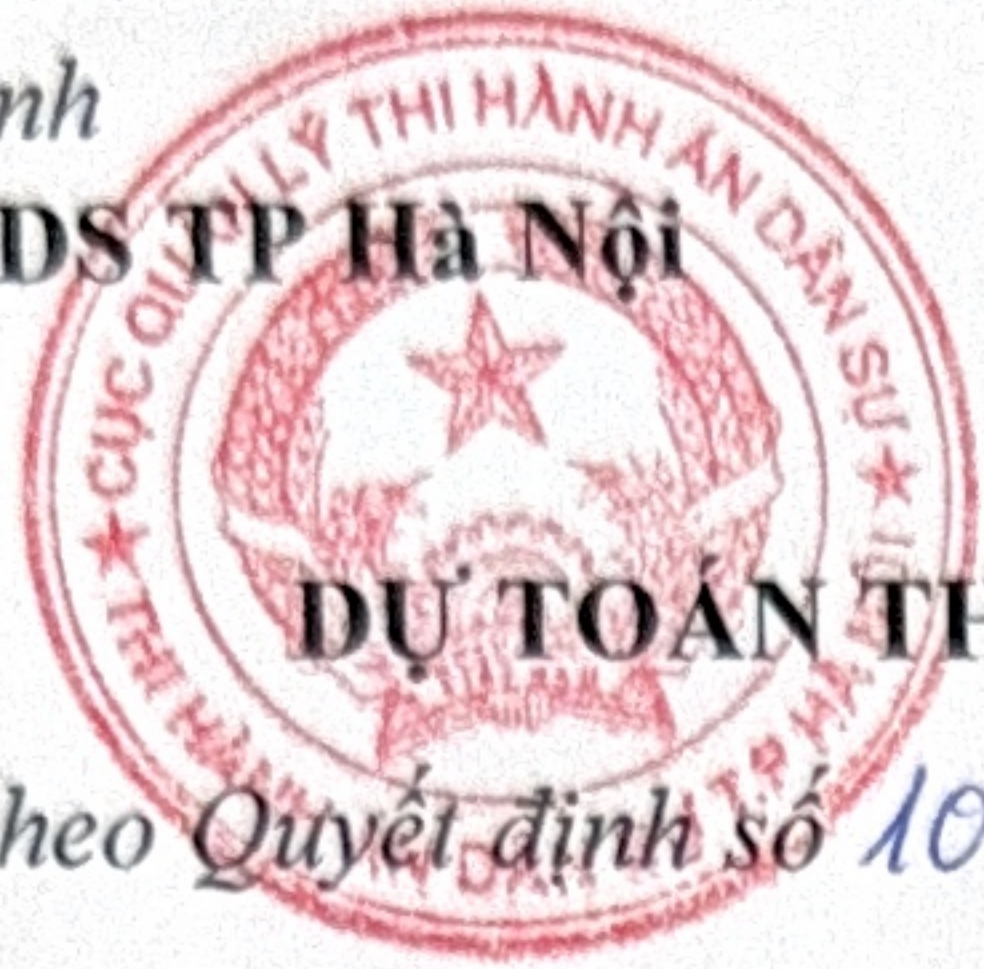


Phạm Văn Dũng

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: THADS TP Hà Nội

Chương: 014



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2025

(Kèm theo Quyết định số 106/QĐ-THADS ngày 23/9/2025 của Thị hành án dân sự thành phố Hà Nội)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	48.910.315.603
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	48.910.315.603
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 23- <i>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ</i>)	48.910.315.603
2	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - Khoản 085)	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-